

Số: 14/2020/QĐST- HNGĐ

Hạ Lang, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020. Giữa:

- *Nguyên đơn*: **Nông Thị Ngọc T**; Sinh năm: 1974;

- *Bị đơn*: **Nông Văn L**; Sinh năm: 1972;

Cùng địa chỉ: Xóm M, thị trấn N, huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị Ngọc T và anh Nông Văn L.

**2.** Về con chung: Có 02 con chung con lớn là Nông Phúc A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2001 đã trưởng thành không đặt vấn đề cấp dưỡng, con nhỏ là Nông Thị Hạnh N, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007. Khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng Nông Thị Hạnh N, anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi tròn 18 tuổi hoặc khi có Bản án (Quyết định) khác thay thế, chị T không được cản trở việc thăm nuôi con chung đối với anh L.

**3.** Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận bằng văn bản chị T, anh L cụ thể như sau:

- Chị T được quản lý, sử dụng, sở hữu những tài sản sau:

+ 01 thửa đất có số thửa 224B tờ bản đồ số 29 đã có giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất mang tên chị T, anh L, với diện tích 186,5 m<sup>2</sup> tại Xóm 3 P, xã Đ, thành phố B;

+ Được quyền sử dụng số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp huyện L với số tiền là 425.000.000đ (bốn trăm hai mươi năm triệu đồng),

+ Được anh Nông Văn L thanh toán 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) tiền chênh lệch từ tài sản khác (số tiền này chị T có trách nhiệm giao cho con gái Nông Thị Hạnh N khi đến tuổi trưởng thành);

+ Được sử hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA biển số 12A - 05943 và 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền mặt do em gái Nông Thị Ngọc S thanh toán.

+ Anh Nông Văn L được quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản sau:

+ 01 mảnh đất tại xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 2000 m<sup>2</sup>, hiện mang tên anh trai là Nông Văn T.

+ 01 ngôi nhà ba tầng tọa lạc tại thị trấn N, huyện L, tỉnh Cao Bằng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 286; tờ bản đồ 16-5, có diện tích 98,7 m<sup>2</sup> (anh L không được quyền chuyển nhượng cho người khác nếu không được sự đồng ý của con trai là Nông Phúc A). Anh L có trách nhiệm thanh toán các khoản dư, nợ từ việc kinh doanh tại nhà ở, thị trấn N.

**4. Về án phí:** Chị Nông Thị Ngọc T tự nguyện chịu án phí hòa giải thành về hôn nhân gia đình là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

**5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu HS.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG**

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lục Văn Doanh**